

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày 31- 8 - 2020
V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia
đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Lam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lô Dương Đạo;

Ông Lương Khăm Niên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Ái - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tương Dương tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Võ Trọng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 39/2020/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXX-ST ngày 10 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị V T H, sinh năm: 1994. Có mặt

Địa chỉ: Bản T B, xã T Q, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Anh K V T, sinh năm: 1991 .Có mặt

Trú tại: Bản T B, xã T Q, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 5 năm 2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị V T H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T quen biết, yêu thương nhau và tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã T Q, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An vào ngày 21/10/2013 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Hiện tại chị H không còn tình cảm với anh T nữa nên đề nghị Tòa

án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Con chung: Trong thời gian chung sống chị H và anh T có 01 con chung là cháu K T B T, sinh ngày 01/12/2012, hiện cháu đang sống cùng anh T và ông bà nội tại bản T B, xã T Q, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Chị H chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản tự khai, ý kiến trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị đơn anh K V T trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Anh K V T đồng như lời khai của chị H về sự tự nguyện của hai người tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền và thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H thiếu tôn trọng, thường xuyên xúc phạm anh T nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên anh đồng ý ly hôn với chị H.

Con chung: Anh T đồng ý như lời trình bày của chị H về con chung. Nếu ly hôn anh đồng ý theo sự lựa chọn người trực tiếp nuôi dưỡng của con. Nếu cháu T chọn Chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng thì anh đồng ý theo yêu cầu của chị H trong nội dung khởi kiện và tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh.

Tài sản chung, nợ chung: Anh T đồng ý với ý kiến chị H.

Ngoài ra lời khai ngày 05/6/2020 và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải anh T đưa ra yêu cầu đề nghị Tòa án buộc chị H bồi thường cho anh 50.000.000đ là số tiền mà anh đã bỏ ra để làm đám cưới. Thẩm phán chủ trì phiên họp đã giải thích và yêu cầu anh T làm đơn yêu cầu phản tố để nộp tạm ứng án phí nhưng anh T không thực hiện.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng, đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử cũng đã tuân theo quy định của pháp luật trong quá trình xét xử, không có vi phạm về thủ tục. Các đương sự chấp hành tốt pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V T H, giao cháu K T B T cho chị V T H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh T; Tài sản chung, nợ chung chị H và anh T không yêu cầu, riêng anh T có ý kiến buộc chị H phải bồi thường tiền đã bỏ ra làm đám cưới nhưng không làm đơn yêu cầu phản tố và nộp tạm ứng án phí theo quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được các đương sự tranh tụng, Hội đồng xét xử đã thẩm tra và nhận định như sau:

[1] Tổ tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh K V T tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại bản T B, xã T Q, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị V T H và bị đơn anh K V T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn với nhau vào năm 2013 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được UBND xã T Q, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/10/2013 vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Nội dung:

1. Tình trạng hôn nhân: Vợ chồng chị H và anh T chung sống không hạnh phúc nên chị H, anh T đã sống ly thân với nhau thời gian dài, hiện tại mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau. Các bên đều xác định không còn tình cảm, không mong muốn tiếp tục chung sống với nhau và đều có nguyện vọng được ly hôn. Từ đó có cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị H, anh T đã thật sự rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh T.

2. Con chung: Tại phiên hoà giải và tại phiên tòa các bên thỏa thuận giao cháu K T B T, sinh ngày 01/12/2012 cho chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, điều này cũng phù hợp với ý chí nguyện vọng của cháu thi cháu T. Nghĩa vụ cấp dưỡng các đương sự không yêu cầu giải quyết. Xét thấy sự thỏa thuận của nguyên đơn, bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của con, cũng như quy định của pháp luật nên cần ghi nhận sự thỏa thuận này của chị H và anh T.

3. Tài sản, nợ chung: Chị V T H và anh K V T chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Anh T yêu cầu chị H bồi thường chi phí đám cưới, đám hỏi số tiền 50.000.000 đồng. Xét thấy yêu cầu của anh T đưa ra sau khi thụ lý vụ án và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nên Tòa án phải xem xét sau khi đã thực hiện đầy đủ trình tự theo quy định pháp luật. Thẩm phán chủ trì phiên họp đã giải thích và yêu cầu anh T làm đơn yêu cầu phản tố và nộp tiền tạm ứng án phí nhưng anh T không thực hiện cho đến trước khi chuyển

sang phần tranh tụng anh T không xuất trình tài liệu chứng cứ mới nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu của anh T.

[5] Án phí và quyền kháng cáo: Buộc chị V T H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị V T H và anh K V T.

2. Con chung:

- Chị V T H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu K T B T, sinh ngày 01/12/2012 cho đến khi trưởng thành. Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T.

3. Án phí: Buộc chị V T H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai số 0000629 ngày 28/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tên án sơ thẩm là ngày 31 tháng 8 năm 2020.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND H.Tương Dương;
- UBND xã T Q;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H.Tương Dương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Lam

